CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 HẬU GIANG, P. 9, Q. 6, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn
CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
D1, khu D, KCN Phố Nối A, H. Văn Lâm, T. Hưng Yên - ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869

Từ năm 1997

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PE
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01-01-2023 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Ống PE sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427-2-2007

STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
1	Ø 16	16 x 2,0mm	20	6.100	6.710
2	Ø 20	20 x 1,5mm	12,5	6.200	6.820
		20 x 2,0mm	16	7.800	8.580
		20 x 2,3mm	20	9.000	9.900
3	Ø 25	25 x 1,5mm	10	7.900	8.690
		25 x 2,0mm	12,5	10.000	11.000
		25 x 2,3mm	16	11.500	12.650
		25 x 3,0mm	20	14.200	15.620
4	Ø 32	32 x 2,0mm	10	13.100	14.410
		32 x 2,4mm	12,5	15.500	17.050
		32 x 3,0mm	16	18.700	20.570
		32 x 3,6mm	20	22.000	24.200
5	Ø 40	40 x 2,0mm	8	16.500	18.150
		40 x 2,4mm	10	19.700	21.670
		40 x 3,0mm	12,5	23.900	26.290
		40 x 3,7mm	16	28.900	31.790
		40 x 4,5mm	20	34.400	37.840
6	Ø 50	50 x 2,4mm	8	25.100	27.610
		50 x 3,0mm	10	30.400	33.440
		50 x 3,7mm	12,5	37.000	40.700
		50 x 4,6mm	16	44.900	49.390
		50 x 5,6mm	20	53.200	58.520
7	Ø 63	63 x 3,0mm	8	39.400	43.340
		63 x 3,8mm	10	48.500	53.350
		63 x 4,7mm	12,5	58.900	64.790
		63 x 5,8mm	16	71.000	78.100
		63 x 7,1mm	20	85.000	93.500
8	Ø 75	75 x 3,6mm	8	55.600	61.160
		75 x 4,5mm	10	68.400	75.240
		75 x 5,6mm	12,5	83.400	91.740
		75 x 6,8mm	16	99.100	109.010
		75 x 8,4mm	20	119.500	131.450
9	Ø 90	90 x 4,3mm	8	79.800	87.780
		90 x 5,4mm	10	98.400	108.240
		90 x 6,7mm	12,5	119.500	131.450
		90 x 8,2mm	16	143.600	157.960
		90 x 10,1mm	20	172.300	189.530
10	Ø 110	110 x 4,2mm	6	96.400	106.040
		110 x 5,3mm	8	119.700	131.670
		110 x 6,6mm	10	146.400	161.040
		110 x 8,1mm	12,5	177.100	194.810
		110 x 10,0mm	16	213.000	234.300
11	Ø 125	125 x 4,8mm	6	124.200	136.620
		125 x 6,0mm	8	153.000	168.300
		125 x 7,4mm	10	186.800	205.480
		125 x 9,2mm	12,5	228.200	251.020
		125 x 11,4mm	16	276.300	303.930
12	Ø 140	140 x 5,4mm	6	156.700	172.370
		140 x 6,7mm	8	191.600	210.760
		140 x 8,3mm	10	234.500	257.950
		140 x 10,3mm	12,5	285.700	314.270
		140 x 12,7mm	16	344.400	378.840
13	Ø 160	160 x 6,2mm	6	205.600	226.160
		160 x 7,7mm	8	251.300	276.430
		160 x 9,5mm	10	306.000	336.600
		160 x 11,8mm	12,5	373.000	410.300
		160 x 14,6mm	16	452.100	497.310
14	Ø 180	180 x 6,9mm	6	256.000	281.600
		180 x 8,6mm	8	315.800	347.380
		180 x 10,7mm	10	387.100	425.810
		180 x 13,3mm	12,5	473.400	520.740
		180 x 16,4mm	16	571.500	628.650
15	Ø 200	200 x 7,7mm	6	317.500	349.250
		200 x 9,6mm	8	391.300	430.430
		200 x 11,9mm	10	477.600	525.360
		200 x 14,7mm	12,5	580.600	638.660
		200 x 18,2mm	16	704.800	775.280
16	Ø 225	225 x 8,6mm	6	398.900	438.790
		225 x 10,8mm	8	494.400	543.840
		225 x 13,4mm	10	605.800	666.380
		225 x 16,6mm	12,5	737.300	811.030
		225 x 20,5mm	16	892.000	981.200
17	Ø 250	250 x 9,6mm	6	494.300	543.730
		250 x 11,9mm	8	605.100	665.610
		250 x 14,8mm	10	742.400	816.640
		250 x 18,4mm	12,5	908.300	999.130
		250 x 22,7mm	16	1.097.100	1.206.810
18	Ø 280	280 x 10,7mm	6	616.600	678.260
		280 x 13,4mm	8	763.800	840.180
		280 x 16,6mm	10	932.700	1.025.970
		280 x 20,6mm	12,5	1.138.000	1.251.800
		280 x 25,4mm	16	1.375.400	1.512.940

Ghi chú: Ống PE DN20 x 1,5mm và DN25 x 1,5mm (PE100) được sản xuất tham khảo theo tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007.
Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

22/12/22

Ống PE sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427-2-2007

STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
19	Ø 315	315 x 12,1mm	6	785.500	864.050
		315 x 15,0mm	8	959.900	1.055.890
		315 x 18,7mm	10	1.181.200	1.299.320
		315 x 23,2mm	12,5	1.442.300	1.586.530
		315 x 28,6mm	16	1.741.000	1.915.100
20	Ø 355	355 x 13,6mm	6	992.600	1.091.860
		355 x 16,9mm	8	1.218.700	1.340.570
		355 x 21,1mm	10	1.503.200	1.653.520
		355 x 26,1mm	12,5	1.828.500	2.011.350
		355 x 32,2mm	16	2.209.900	2.430.890
21	Ø 400	400 x 15,3mm	6	1.258.800	1.384.680
		400 x 19,1mm	8	1.554.100	1.709.510
		400 x 23,7mm	10	1.899.900	2.089.890
		400 x 29,4mm	12,5	2.319.000	2.550.900
		400 x 36,3mm	16	2.805.900	3.086.490
22	Ø 450	450 x 17,2mm	6	1.591.500	1.750.650
		450 x 21,5mm	8	1.965.400	2.161.940
		450 x 26,7mm	10	2.407.100	2.647.810
		450 x 33,1mm	12,5	2.937.500	3.231.250
		450 x 40,9mm	16	3.553.100	3.908.410
23	Ø 500	500 x 19,1mm	6	1.963.000	2.159.300
		500 x 23,9mm	8	2.425.000	2.667.500
		500 x 29,7mm	10	2.974.000	3.271.400
		500 x 36,8mm	12,5	3.625.000	3.987.500
		500 x 45,4mm	16	4.384.000	4.822.400
24	Ø 560	560 x 21,4mm	6	2.703.500	2.973.850
		560 x 26,7mm	8	3.333.500	3.666.850
		560 x 33,2mm	10	4.092.500	4.501.750
		560 x 41,2mm	12,5	4.994.900	5.494.390
		560 x 50,8mm	16	6.032.800	6.636.080
25	Ø 630	630 x 24,1mm	6	3.425.400	3.767.940
		630 x 30,0mm	8	4.211.100	4.632.210
		630 x 37,4mm	10	5.183.500	5.701.850
		630 x 46,3mm	12,5	6.313.400	6.944.740
		630 x 57,2mm	16	7.167.500	7.884.250
26	Ø 710	710 x 27,2mm	6	4.360.100	4.796.110
		710 x 33,9mm	8	5.369.500	5.906.450
		710 x 42,1mm	10	6.586.500	7.245.150
		710 x 52,2mm	12,5	8.032.200	8.835.420
		710 x 64,5mm	16	9.723.700	10.696.070
27	Ø 800	800 x 30,6mm	6	5.522.100	6.074.310
		800 x 38,1mm	8	6.805.900	7.486.490
		800 x 47,4mm	10	8.351.900	9.187.090
		800 x 58,8mm	12,5	10.188.700	11.207.570
		800 x 72,6mm	16	12.331.600	13.564.760
28	Ø 900	900 x 34,4mm	6	6.984.200	7.682.620
		900 x 42,9mm	8	8.611.500	9.472.650
		900 x 53,3mm	10	10.564.900	11.621.390
		900 x 66,2mm	12,5	12.907.700	14.198.470
		900 x 81,7mm	16	15.609.200	17.170.120
29	Ø 1.000	1.000 x 38,2mm	6	8.618.000	9.479.800
		1.000 x 47,7mm	8	10.639.300	11.703.230
		1.000 x 59,3mm	10	13.057.200	14.362.920
		1.000 x 72,5mm	12,5	15.721.300	17.293.430
		1.000 x 90,2mm	16	19.164.100	21.080.510
30	Ø 1.200	1.200 x 45,9mm	6	12.412.400	13.653.640
		1.200 x 57,2mm	8	15.313.400	16.844.740
		1.200 x 67,9mm	10	17.985.900	19.784.490
		1.200 x 88,2mm	12,5	22.924.600	25.217.060

Ghi chú: Ống PE DN20 x 1,5mm và DN25 x 1,5mm (PE100) được sản xuất tham khảo theo tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007.
Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

22/10/22